

THÀNH TỰU PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - NHÌN TỪ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH

ĐẶNG THỊ TUYẾT*

Trong những năm qua, Việt Nam đã có những chính sách đầu tư phát triển con người, coi con người là chủ thể, giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển. Việc phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp đổi mới đã mang lại những thay đổi tích cực trong chiến lược phát triển chung của quốc gia cũng như sự phát triển toàn diện con người nói riêng. Bài viết khái quát một số chính sách có liên quan đến việc phát triển con người, đồng thời đưa ra một số thành tựu trong việc thực thi chính sách phát triển con người ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: con người, nguồn lực con người, phát triển con người, chính sách

Nhận bài ngày: 10/2/2023; *đưa vào biên tập:* 12/2/2023; *phản biện:* 19/2/2023; *duyet đăng:* 10/3/2023

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo quan điểm triết học mác xít, con người được xem là một thực thể tự nhiên - xã hội, biểu hiện ra trên nhiều phương diện. Chẳng hạn, con người tồn tại với tư cách là một nguồn tài nguyên đặc biệt gọi là tài nguyên con người; con người tồn tại với tư cách là một nguồn lực đặc biệt chính là nguồn lực con người, hoặc tồn tại với tư cách là một nhân tố thúc đẩy đời sống kinh tế - xã hội gọi là nhân tố con người... (Đoàn Nam Đàn, 2018).

Phát triển con người được coi là mở rộng quyền tự do lựa chọn và nâng cao năng lực lựa chọn cho con người (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2021: 67). Khái niệm này coi con

người là chủ thể chủ động trong tiến trình phát triển chứ không phải là bên thụ hưởng bị động. Phát triển con người không chỉ liên quan tới mức độ hài lòng với những nhu cầu cơ bản mà còn liên quan tới mức độ con người có thể chủ động tham gia vào tiến trình phát triển. Nói cách khác nó có liên quan tới quyền tự do và lựa chọn của con người về cơ hội cũng như về quá trình phát triển. Báo cáo UNDP năm 1997 đã xác định mối quan hệ giữa phát triển con người và vai trò quản trị của nhà nước. Báo cáo chỉ ra 5 yếu tố phát triển con người bền vững là: trao quyền, sự hợp tác, công bằng, bền vững và an ninh.

Vai trò của yếu tố con người đối với phát triển kinh tế và coi con người là trung tâm của phát triển đã được các nhà kinh tế học thảo luận từ khá sớm với nghiên cứu ban đầu của nhà kinh tế William Petty (1690). Ông cho rằng lao

* Viện Văn hóa và Phát triển, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

động là nguồn gốc của sự thịnh vượng. Ví thế, cần phải đo lường giá trị của lao động khi đánh giá sức mạnh của một quốc gia, bên cạnh các yếu tố đất đai hay dân số (Petty, 1690).

Tại Việt Nam, quan điểm con người là trung tâm của sự phát triển đã trở thành một định hướng chiến lược, một triết lý hành động xuyên suốt quá trình phát triển của đất nước. Đảng ta coi trọng tâm xây dựng và phát triển văn hóa là xây dựng con người có nhân cách và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh để con người được nuôi dưỡng, phát triển toàn diện. Việt Nam đã và đang tiếp tục xây dựng một nhà nước của dân, do dân và vì dân, với những chính sách nhất quán tôn trọng và bảo đảm các quyền con người được lồng ghép vào mọi chiến lược và chương trình phát triển của đất nước để ‘không ai bị bỏ lại phía sau’. Những thành tựu này được cộng đồng quốc tế công nhận và đánh giá cao.

Là một quốc gia có 54 dân tộc, nên việc quan tâm đầy đủ quyền lợi và quan hệ tốt đẹp giữa các dân tộc được coi là một trọng tâm trong mục tiêu phát triển con người. *Hiến pháp năm 1992* và *Hiến pháp sửa đổi năm 2001* nêu rõ trách nhiệm của nhà nước là đảm bảo và liên tục tăng cường “quyền làm chủ của công dân trên mọi lĩnh vực và thực hiện mục tiêu xây dựng một cuộc sống thịnh vượng cho người dân, xây dựng một quốc gia lớn mạnh và một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh, đảm bảo phúc lợi, tự do và hạnh phúc cho tất cả các công dân cũng như các điều kiện cho người dân phát triển toàn diện”.

2. CHÍNH SÁCH VỀ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI CỦA VIỆT NAM

2.1. Các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển con người

Từ Đại hội toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt quan tâm tới yếu tố con người, coi đó là nguồn lực, động lực quyết định đến sự phát triển. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 đưa ra vấn đề “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 *Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW khóa XI*: “Tập trung xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Khẩn trương hoàn thiện việc xây dựng hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”. Nhấn mạnh thêm về con người là động lực của sự phát triển, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định con người và nền văn hóa Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 1). Trong *Chiến lược phát triển đất nước 10 năm 2021-2030* khẳng định nội dung về phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp phát triển Việt Nam là: “Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững. Phải có cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước; mọi chính sách của Đảng,

Nhà nước đều phải hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 1: 215-216). Đại hội XIII cũng xác định: “*Động lực và nguồn lực phát triển quan trọng của đất nước* là khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 1: 34).

Tiếp tục việc thực hiện mục tiêu đưa văn hóa và con người trở thành mục tiêu của sự phát triển, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (24/11/2021), đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nêu rõ: “xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc; kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại: yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo”.

Hội thảo Văn hóa 2022 với chủ đề: “Thể chế, chính sách và nguồn lực cho phát triển văn hóa” đưa ra 9 nhóm chính sách lớn, trong đó chính sách ưu tiên hàng đầu là chính sách phát triển con người Việt Nam toàn diện. Con người là trung tâm, là chủ thể, là nguồn lực chủ yếu, là mục tiêu của sự phát triển. Tất cả chính sách đều hướng tới mục tiêu cao nhất là phát triển con người Việt Nam toàn diện, mang đầy đủ đặc trưng của con người xã hội chủ nghĩa. Đặc

biệt cần quan tâm hơn nữa tới các chính sách về bồi dưỡng cho thế hệ trẻ; chăm lo, hỗ trợ cho các đối tượng, lực lượng đặc thù, dễ bị tổn thương; đề cao tính tiên phong, gương mẫu trong văn hóa ứng xử của người lãnh đạo, cán bộ, đảng viên.

Ngoài các chủ trương chung về chính sách xã hội đối với người dân, Đảng đã có những nghị quyết riêng để phát huy vai trò tích cực của mỗi giai cấp, tầng lớp. Tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Đảng ta đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28/1/2008 *Về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Đến Hội nghị Trung ương 7 khóa X, có Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 *Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*. Cũng trong hội nghị này, xác định rõ vai trò to lớn của tầng lớp trí thức, Đảng ta ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW *Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Đến Đại hội khóa XI, lần đầu tiên, Đảng ban hành nghị quyết riêng để phát triển tầng lớp doanh nhân. Ngày 9/12/2011, Bộ Chính trị khóa XI, ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW *Về xây dựng và phát huy đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Ngoài ra, về công tác phụ nữ có Nghị quyết số 11-NQ/TW *Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.

Bên cạnh đó, có các Nghị quyết 27, khóa XII *Về cải cách chính sách tiền lương*; Nghị quyết 28, khóa XII *Về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội tiếp*

tục hoàn thiện chính sách xã hội có liên quan tới sự phát triển con người ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay...

Các nghị quyết trên của Đảng thể hiện sự quan tâm đồng bộ tới mọi đối tượng và tạo những điều kiện tốt nhất để các chủ thể được phát huy đầy đủ theo năng lực. Điều đó cho thấy bản chất tốt đẹp của nhà nước ta, nhà nước của dân, do dân, vì dân và là căn cứ để Nhà nước cụ thể hóa bằng các chính sách về phát triển con người.

2.2. Hệ thống pháp luật của Việt Nam về phát triển con người

Nhằm cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước ta đã xây dựng hành lang pháp lý, các cơ chế, pháp luật về chính sách xã hội ngày càng được đầy đủ, hoàn thiện, từ Hiến pháp đến các luật, văn bản luật... tạo điều kiện để thực thi ngày càng hiệu quả vai trò, chức năng của các chính sách xã hội. *Hiến pháp năm 1992* có nhiều quy định về chính sách xã hội. Điều 56 của Hiến pháp quy định: “Nhà nước quy định thời gian lao động, chế độ, tiền lương, chế độ nghỉ ngơi và chế độ bảo hiểm xã hội đối với viên chức nhà nước và những người làm công ăn lương; khuyến khích phát triển các hình thức bảo hiểm xã hội khác đối với người lao động”. Điều 39 nêu những quy định về thực hiện bảo hiểm y tế, tạo điều kiện để mọi người dân được chăm sóc sức khỏe...

Các chính sách xã hội được thể hiện rõ trong các luật, bộ luật như: *Bộ luật Lao động* được Quốc hội thông qua ngày 23/6/1994 (sửa đổi, bổ sung năm 2002 và 2006, 2012); *Luật Việc làm* (2013),

Luật Giáo dục nghề nghiệp (2014), *Luật Bảo hiểm xã hội* (2014), *Luật An toàn, vệ sinh lao động* (2015), *Luật trẻ em* (2016), *Luật Thanh niên* (2020). Bên cạnh đó, các văn bản dưới luật như pháp lệnh, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ cũng được ban hành làm cho chính sách xã hội càng hoàn thiện và đạt nhiều kết quả như: Pháp lệnh về danh hiệu vinh dự Nhà nước (Bà mẹ Việt Nam anh hùng), Pháp lệnh ưu đãi người có công...

Trong giai đoạn 1997-2013, Nhà nước đã ban hành 146 văn bản chính sách xã hội, được chia thành bốn nhóm chính sách an sinh xã hội, cụ thể: chính sách tạo việc làm nâng cao thu nhập cho người lao động với 33 văn bản hiện hành (2001-2013); chính sách hỗ trợ giảm nghèo với 14 văn bản hiện hành (2005-2013); chính sách bảo hiểm xã hội với 5 văn bản hiện hành (2006-2012); chính sách hỗ trợ các đối tượng khó khăn với 18 văn bản hiện hành, gồm 16 văn bản chính sách trợ giúp xã hội hiện hành (2000-2013) và 2 văn bản chính sách hỗ trợ rủi ro đột xuất do thiên tai và rủi ro thị trường hiện hành (2010-2011); chính sách hỗ trợ tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản tối thiểu với 74 văn bản hiện hành (1997-2013). Tiếp đó, giai đoạn 2014-2018 cũng đã có hàng loạt các văn bản về vấn đề này được ban hành: QĐ-1490/QĐ-TTg về *bổ sung dự toán kinh phí chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội* (2017); Quyết định 1865-QĐ năm 2017 về *giao kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020*.

Trong các chính sách được quan tâm nhất của Đảng và Nhà nước, chính sách xóa đói, giảm nghèo luôn được quán triệt và kiên trì thực hiện trong suốt nhiều năm như: *Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo* (2002), *Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo* (Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP), Quyết định số 1971/QĐ-TTg về việc cho 30 huyện khác nằm ngoài chương trình thực hiện Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP, Nghị quyết số 76/2014/QH13 về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020, Quyết định số 2324/QĐ-TTg, ngày 19/12/2014 về kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13 về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020. Ngân sách nhà nước đã ưu tiên tập trung nguồn lực cao nhất cho các huyện nghèo, xã nghèo và người nghèo nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Ngoài ra, Nhà nước tiếp tục thực hiện các chính sách đặc thù trên địa bàn các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ như chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề, nâng cao dân trí; chính sách cán bộ đối với các huyện nghèo... nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Việt Nam đang tiếp tục triển khai *Luật Bình đẳng giới*, *Luật Người khuyết tật* và tích cực nghiên cứu, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống pháp luật về các vấn đề này... Chăm lo, giáo dục, bồi dưỡng phát triển con người đồng thời phát triển đồng bộ với môi trường văn hóa, các lĩnh vực văn hóa, đời sống văn hóa. Các luật được ban hành đều

chú trọng đến việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Hướng tới mục tiêu xây dựng, phát triển văn hóa và con người Việt Nam, trong đó trực tiếp có 5 luật liên quan đến lĩnh vực này. Chính phủ có 50 nghị định, trên 100 thông tư (Hoàng Thị Hoa, 2022) trực tiếp điều chỉnh lĩnh vực này.

2.3. Các chương trình phát triển con người của Việt Nam

Bên cạnh những quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về vấn đề phát triển con người ở trong nước, tính đến năm 2021, Việt Nam đã phê chuẩn, gia nhập 7/9 công ước cơ bản của Liên Hợp Quốc về quyền con người và là thành viên tích cực của cộng đồng quốc tế trong việc bảo đảm các vấn đề về nhân quyền. Quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam lấy con người làm trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển, bảo đảm tất cả người dân được hưởng các quyền con người, đã được thể chế hóa trong Hiến pháp và pháp luật, đồng thời được cụ thể hóa trong các chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều chương trình hành động cấp quốc gia được ban hành như: Chương trình hỗ trợ người khuyết tật giai đoạn 2021-2030, Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030, Chương trình bảo vệ trẻ em trên không gian mạng và Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030, Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030, Chương trình phát triển xã hội giai đoạn 2021-2030..., góp phần bảo đảm tốt hơn quyền của các nhóm dễ bị tổn thương.

Tất cả các chính sách trên đều cho thấy nỗ lực và cam kết của Đảng và Nhà nước ta chăm lo phát triển toàn diện con người, coi là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển, hướng tới thực hiện triệt để tôn chỉ Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

3. MỘT SỐ THÀNH TỰU VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Có thể khẳng định, qua hơn 35 năm đổi mới, các chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đã được cụ thể hóa trong các chính sách, pháp luật của Nhà nước, được ghi rõ trong Hiến pháp. Việc triển khai thực hiện trong thực tiễn cũng đã đạt được nhiều kết quả tích cực trên một số phương diện:

Một là, đời sống nhân dân không ngừng nâng cao

Đánh giá về những thành tựu trong việc phát triển con người, *Báo cáo chính trị* tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII khẳng định: “Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm còn dưới 3%; nhà ở xã hội được quan tâm; đã hoàn thành các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ, trong đó có nhiều mục tiêu về giảm nghèo, y tế, giáo dục hoàn thành trước thời hạn, được đánh giá là điểm sáng” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 1: 66).

Từ định hướng của Đảng, Nhà nước đã triển khai nhiều chương trình kinh tế - xã hội lớn nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng thụ hưởng các quyền con người của mọi người dân và hoàn thành trước hạn Mục tiêu phát triển

Thiên niên kỷ (MDG). Theo Liên Hợp Quốc, chỉ số phát triển con người (HDI) ở Việt Nam liên tục tăng theo các năm và hiện lọt vào nhóm phát triển con người cao, xếp thứ 115/191 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Nhờ thực hiện đồng bộ các chính sách, trong giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ nghèo đa chiều ở Việt Nam đã giảm từ 9,88% (năm 2015) còn 3,75% vào năm 2019 và dưới 3% trong năm 2020, đưa Việt Nam thành quốc gia đầu tiên về đích trước Mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc về giảm nghèo. Đến nay 100% các xã đã có đường ô tô đến trung tâm, 99% trung tâm xã và 80% thôn có điện. 100% đồng bào dân tộc thiểu số và người nghèo có bảo hiểm miễn phí (Huyền Chi, 2021). Nhờ những nỗ lực đó, thành tựu về giảm nghèo của Việt Nam được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao trên tất cả các khía cạnh và tiêu chí. Việt Nam đã ở vào nhóm các quốc gia có mức thu nhập trung bình. Tình trạng nghèo đã chuyển từ diện rộng ở các vùng, miền sang cục bộ ở một số vùng miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. Việt Nam đã sớm hoàn thành Mục tiêu Thiên niên kỷ về xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói. Mức độ giảm nghèo được ghi nhận mạnh mẽ và ấn tượng cả theo chuẩn quốc gia và chuẩn quốc tế.

Năm 2018, Việt Nam có 13% dân số thuộc tầng lớp trung lưu theo chuẩn thế giới. Tầng lớp này đang phát triển nhanh chóng, tăng hơn 20% trong giai đoạn 2010-2017. Từ năm 2014 đến 2018, trung bình mỗi năm có 1,5 triệu người Việt Nam gia nhập vào tầng lớp trung lưu toàn cầu (World Bank, 2022).

Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng từ 60,9% dân số (2010) lên 90,7% dân số (2020), cơ bản bao phủ toàn dân. Chỉ số bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân là 73, cao hơn trung bình khu vực và trung bình thế giới. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân không ngừng được cải thiện với hệ thống 766 bệnh viện các tuyến; 114 phòng khám đa khoa khu vực; 2.000 trạm y tế xã... Sự phát triển và tính ưu việt của hệ thống y tế, chăm lo sức khỏe cho nhân dân được phát huy từ Trung ương đến cơ sở (Tùng Nguyên, 2022).

Hai là, đảm bảo và không ngừng mở rộng quyền tự do, dân chủ

Theo UNDP, phát triển con người là quá trình làm tăng khả năng lựa chọn của mỗi người cũng như mức độ đạt được phúc lợi của họ. Trong đó, sự lựa chọn cốt yếu là trường thọ, khỏe mạnh, được học hành và được tận hưởng mức sống tử tế; đồng thời, được bảo đảm về nhân quyền và bình đẳng về chính trị. Để đo lường sự phát triển con người, năm 1990 UNDP đã đề xuất và khởi xướng tính Chỉ số phát triển con người (HDI). Báo cáo phát triển con người (HDR) đầu tiên đã được UNDP biên soạn năm 1990 và công bố năm 1991. Trong giai đoạn 2016 - 2020, kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và sự phát triển con người nói riêng đạt được những thành tựu quan trọng. Chỉ số tổng hợp HDI đã tăng từ 0,682 năm 2016 lên 0,687 năm 2017; 0,693 năm 2018; 0,703 năm 2019 và 0,706 năm 2020. So với năm trước, HDI năm 2017 tăng 0,005 với tốc độ tăng 0,73%; 2018 tăng 0,006 và tăng 0,87%; 2019 tăng 0,10 và tăng 1,44%; 2020 tăng 0,003

và tăng 0,43%. Tính chung những năm 2016-2020 tăng 0,024 với tốc độ tăng 3,52%; bình quân mỗi năm tăng 0,87% (Tổng cục Thống kê, 2021). Chỉ số sức khỏe được tính thông qua chỉ tiêu đầu vào là tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (E0). Trong những năm đổi mới vừa qua, nhất là trong những năm gần đây, đời sống vật chất và tinh thần được cải thiện đáng kể; công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng có tiến bộ nên tuổi thọ của người dân không ngừng tăng lên. Kết quả các cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở từ năm 1989 đến nay cho thấy, tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh năm 1989 là 65,2 năm đã tăng lên 72,8 năm trong năm 2009 và năm 2019 đạt 73,6 năm. Tính riêng giai đoạn 2016-2020, mỗi năm tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh tăng 0,1 năm. Năm 2016 đạt 73,4 năm; 2017 và 2018 đạt 73,5 năm; 2019 đạt 73,6 năm và 2020 đạt 73,7 năm (Tổng cục Thống kê, 2021). Việt Nam cũng là một trong số những quốc gia đã đạt được tiến bộ tốt trong phát triển con người, với tăng trưởng trung bình Chỉ số Phát triển con người (HDI) ở mức 1,36% trong suốt giai đoạn dài gần 20 năm qua, từ năm 1990-2018. Thành tích ấn tượng này giúp Việt Nam nằm trong nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng chỉ số HDI cao nhất trên thế giới. Bất chấp các khó khăn phải đối mặt trong hai năm bị dịch COVID-19, năm 2022, Việt Nam đã tăng 2 bậc trong xếp hạng chỉ số HDI (từ vị trí 117 lên vị trí 115), và tiếp tục nằm trong số các nước có chỉ số HDI cao cùng với một số nước như Trung Quốc, Nam Phi, Indonesia và Brazil.

Việc bảo đảm các quyền con người của Việt Nam cũng được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Việt Nam hiện là thành viên của 7/9 công ước quốc tế quan trọng về quyền con người. Việt Nam cũng là thành viên của 25 công ước của Tổ chức Lao động Quốc tế, trong đó có 7/8 công ước cơ bản; đang nghiên cứu phê chuẩn công ước cơ bản còn lại là Công ước 87 về Quyền tự do hiệp hội và về việc bảo vệ quyền được tổ chức. Việt Nam luôn thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các cam kết nghĩa vụ theo các công ước này, trong đó có nghĩa vụ báo cáo tình hình thực thi các công ước tại Việt Nam.

Với hơn ba thập kỷ tăng trưởng kinh tế không bị gián đoạn, Việt Nam đã đạt nhiều bước tiến đáng kể trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống của hàng triệu người. Trong nhiều thập kỷ qua, Việt Nam đã nỗ lực thực hiện các Mục tiêu Thiên niên kỷ (MDGs) và đạt nhiều kết quả, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Việt Nam đã hoàn thành nhiều mục tiêu trước thời hạn Liên Hợp Quốc đặt ra trong MDGs như: mọi người đều có đủ lương thực; tất cả trẻ em học hết tiểu học; phụ nữ có các cơ hội và được tôn trọng như nam giới; có thêm nhiều trẻ em dưới 5 tuổi lớn lên khỏe mạnh; ngày càng có ít bà mẹ bị tử vong khi sinh con. Năm 2019, Việt Nam lần đầu tiên được xếp vào nhóm các nước có mức độ phát triển con người cao, đứng thứ 117 trên tổng số 189 quốc gia, chỉ số Phát triển con người đạt 0,704 điểm (UNDPa, 2022).

Trong Chương trình chung về Hợp tác phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (còn gọi là Chương trình hợp tác), đóng góp cho Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2021-2025 của Việt Nam, Chương trình quốc gia mới đặt mục tiêu đến năm 2026, người dân Việt Nam sẽ đóng góp và hưởng lợi từ chuyển đổi kinh tế bền vững, toàn diện, đáp ứng giới hơn; môi trường an toàn và sạch hơn; và một xã hội công bằng, an toàn và bao trùm hơn (UNDPb, 2022). UNDP sẽ hỗ trợ Việt Nam xây dựng các cơ chế tạo điều kiện cho các nhóm dễ bị tổn thương, đặc biệt là người nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số và người khuyết tật có thể tiếp cận việc làm bền vững, cải thiện sinh kế; có các lựa chọn chính sách dựa trên bằng chứng nhằm hỗ trợ việc chuyển đổi kinh tế theo hướng bền vững hơn, bao trùm hơn và có tính nhạy cảm giới, cùng với phương án tài chính; hình thành hệ thống an sinh xã hội mang tính bao trùm, nhạy cảm giới và ứng phó hiệu quả với các cú sốc.

Tình trạng bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục giữa nam và nữ cũng từng bước được thu hẹp. Số năm đi học bình quân của nữ tuy vẫn thấp hơn số năm đi học của nam, nhưng đã tăng từ 8 năm trong năm 2016 lên 8,6 năm trong năm 2019. Trong khi đó, số năm đi học bình quân của nam chỉ tăng từ 9,1 năm lên 9,4 năm. Tính chung, số năm đi học bình quân của cả nước từ 8,5 năm trong năm 2016 tăng lên đạt 8,6 năm vào năm 2017; 2018 đạt 8,7 năm; 2019 đạt 9 năm và 2020 đạt 9,1 năm. Số năm đi học kỳ vọng cũng có xu hướng tăng, nhưng với tốc độ chậm hơn. Năm 2016

và 2017 đều đạt 12 năm; 2018 là 12,1 năm; 2019 và 2020 cùng ở mức 12,2 năm (Tổng cục Thống kê, 2021).

Ba là, môi trường văn hóa lành mạnh cho con người phát triển

Môi trường văn hóa là tổng hòa các loại điều kiện văn hóa tinh thần tồn tại xung quanh con người và tác động tới hoạt động của con người. Yếu tố chủ yếu tạo thành môi trường văn hóa là giáo dục, khoa học, kinh tế, văn nghệ, đạo đức, tôn giáo, triết học, tâm lý dân tộc và tập tục truyền thống. Xây dựng môi trường văn hóa có quan hệ mật thiết với việc xây dựng con người; xây dựng gia đình; xây dựng làng xã, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa; xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh; xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh là một trong những nhiệm vụ quan trọng, đáp ứng nhu cầu văn hóa đa dạng và không ngừng tăng lên của nhân dân. Những tiến bộ trong giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ; sự khởi sắc trong hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật, truyền thông đại chúng, bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa; sự phát triển của phong trào xây dựng đời sống văn hóa và sự tăng cường các thiết chế văn hóa cơ sở,... làm cho đời sống tinh thần của con người, xã hội phong phú, đa dạng hơn, mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân từng bước được cải thiện. Những nhân tố mới, giá trị mới của văn hóa, con người Việt

Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế từng bước được định hình trong đời sống. Quyền tự do sáng tạo, quảng bá văn hóa, văn học, nghệ thuật được tôn trọng; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt tâm linh của nhân dân được quan tâm. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Xây dựng nông thôn mới”, các phong trào xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa,... đạt được những kết quả tích cực, tạo môi trường tốt để nuôi dưỡng, phát huy những giá trị nhân văn của dân tộc. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc được phát huy, đồng thời đã xuất hiện những giá trị văn hóa mới.

Sự phát triển con người không chỉ là chăm lo cuộc sống vật chất và tinh thần ngày càng tốt hơn cho nhân dân với tư cách mục tiêu của sự phát triển xã hội, mà còn là bồi dưỡng toàn diện về thể chất, trí tuệ, đạo đức và nhân cách cho con người nhằm tạo tiền đề cho việc phát huy nguồn lực này với tư cách động lực quan trọng và căn bản nhất của sự phát triển bền vững.

Bà Ramla Al Khalidi, Trưởng đại diện thường trú của Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) cho rằng: “Tôi thực sự cảm thấy Việt Nam đã thực hiện những cam kết của Chính phủ về việc đặt con người là trọng tâm của sự phát triển theo những chỉ dẫn của Liên Hợp Quốc. Đây là cốt lõi của các mục tiêu phát triển bền vững và nguyên tắc cốt lõi là không bỏ lại ai phía sau” (UNDPa, 2022).

Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và

bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 1: 27-28). Như vậy, Đảng ta đã phát triển thêm một bước tiếp cận mới không chỉ về lý luận mà còn dựa trên tổng kết từ thực tiễn của 35 năm đổi mới và cả chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Sự phát triển toàn diện của con người cũng như sự hiện hữu của nguồn nhân lực có chất lượng cao chỉ có thể là kết quả tổng hợp của một hệ thống các biện pháp kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội; đồng thời, đó còn là sản phẩm của sự nỗ lực, chung sức, đồng lòng và đầy

trách nhiệm của nhiều cấp, nhiều ngành, của toàn xã hội.

4. KẾT LUẬN

Có thể coi phát triển con người Việt Nam là một bộ phận cơ bản trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc và là một nhiệm vụ trọng yếu trong sự nghiệp đổi mới hiện nay. Ngày nay, khi con người được đặt vào vị trí trung tâm của quá trình phát triển, các chính sách của Đảng và Nhà nước đều tập trung chăm lo xây dựng con người phát triển toàn diện. Những thành tựu đạt được vừa qua cũng như sự ghi nhận của bạn bè quốc tế đã minh chứng cho những thành công và nỗ lực của chính quyền các cấp, cũng như sự ưu tiên, cam kết chính trị để thực sự nhà nước này là nhà nước của dân, do dân và vì dân. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X. 2008. Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/1/2008.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII. 2008. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008. Hà Nội.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI. 2011. Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9/12/2011. Hà Nội. 2011.
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI. 2014. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014. Hà Nội.
5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. 2018. Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 21/5/2018; Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 23/5/2018. Hà Nội.
6. Bộ Chính trị. 2007. Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007. Hà Nội.
7. Bộ Chính trị. 2020. Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW khóa XI. Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII – tập 1. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam. Kết luận của Bộ Chính trị về Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Hà Nội.

10. Đoàn Nam Đàn. 2018. “Quan điểm của Đảng về phát huy nhân tố con người trong phát triển đất nước”. <https://www.xaydungdang.org.vn/dien-dan/quan-diem-cua-dang-ve-phat-huy-nhan-to-con-nguoi-trong-phat-trien-dat-nuoc-12380>, truy cập 15/12/2022.
11. Hoàng Thị Hoa. 2022. “Sớm xây dựng Chương trình mục tiêu Quốc gia về phát triển văn hóa”. <https://ttdn.vn/tin-tuc-su-kien/thoi-su-chinh-tri/som-xay-dung-chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-ve-phat-trien-van-hoa-71037>, truy cập ngày 1/1/2023.
12. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. 2021. *Giáo trình Văn hóa và phát triển*. Hà Nội: Nxb. Lý luận Chính trị.
13. Huyền Chi. 2021. “Việt Nam - quốc gia truyền cảm hứng về phát triển con người”. <https://cand.com.vn/nhan-quyen/Viet-Nam-quoc-gia-truyen-cam-hung-ve-phat-trien-con-nguoi-i593192/>, truy cập ngày 10/1/2023.
14. Nguyễn Phú Trọng. 2021. *Ra sức xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Hội nghị Văn hóa toàn quốc 2021. Hà Nội.
15. Petty, W. 1690. “Political Arithmetik, or a Discourse Concerning the Extent and Value of Lands, People, Buildings”. (Reprinted). in C.H. Hull. 1899. *The Economic Writings of Sir William Petty*. Cambridge: Cambridge University Press.
16. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 1992. *Hiến pháp nước Cộng hòa Chủ nghĩa Xã hội Việt Nam năm 1992*. Hà Nội.
17. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 1992. *Hiến pháp sửa đổi năm 2001*. Hà Nội.
18. Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc. 2016. Phát biểu tại Diễn đàn phát triển Việt Nam 2016, chủ đề “Chính phủ kiến tạo và hành động - động lực mới cho phát triển”.
19. Tổng cục Thống kê. 2021. *Báo cáo chỉ số phát triển con người của Việt Nam giai đoạn 2016-2020*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
20. Tùng Nguyên. 2022. “Dấu ấn bảo đảm quyền con người trong lĩnh vực lao động-xã hội của Việt Nam: Thành tựu an sinh xã hội” - (bài 2). <https://baodantoc.vn/dau-an-bao-dam-quyen-con-nguoi-trong-linh-vuc-lao-dong-xa-hoi-cua-viet-nam-thanh-tuu-an-sinh-xa-hoi-bai-2-1670834752502.htm>, truy cập ngày 15/12/2022.
21. UNDP. 1997. *Government for Sustainable Human Development: A UNDP Policy Document Good Governance – and Sustainable Human Development*.
22. UNDP. 2022a. “Việt Nam có thể khôi phục đà phát triển con người: UNDP”. <https://www.undp.org/vi/vietnam/press-releases/viet-nam-co-the-khoi-phuc-da-phat-trien-con-nguoi-undp>, truy cập ngày 25/12/2022.
23. UNDP. 2022b. “Chương trình Phát triển Liên hợp quốc công bố Văn kiện chương trình quốc gia mới cho Việt Nam”. <https://www.undp.org/vi/vietnam/news/ch%C6%B0%C6%A1ng-tr%C3%ACnh-ph%C3%A1t-tri%E1%BB%83n-li%C3%AAn-h%E1%BB%A3p-qu%E1%BB%91c-c%C3%B4ng-b%E1%BB%91-v%C4%83n-ki%E1%BB%87n-ch%C6%B0%C6%A1ng-tr%C3%ACnh-qu%E1%BB%91c-gia-m%E1%BB%9Bi-cho-vi%E1%BB%87t-nam>, truy cập 10/12/2022.
24. World Bank: “13% dân số Việt Nam thuộc tầng lớp trung lưu theo chuẩn thế giới”, <https://nhipcaudautu.vn>, truy cập ngày 15/12/2022.